

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		131.848.518.096	139.564.934.915
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	50.406.993.125	59.592.063.490
1. Tiền	111		10.856.993.125	13.542.063.490
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.550.000.000	46.050.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.236.553.400	12.036.553.400
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	2.872.283.094	2.872.283.094
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2.1	-935.729.694	-935.729.694
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.2	7.300.000.000	10.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.847.702.938	62.094.828.636
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	34.767.463.384	31.048.937.416
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	30.900.924.847	32.785.601.113
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4.824.542.435	905.517.835
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-2.645.227.728	-2.645.227.728
IV. Hàng tồn kho	140		2.966.630.327	4.631.762.515
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.966.630.327	4.631.762.515
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.390.638.306	1.209.726.874
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	142.600.992	440.306.038
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	289.745.015
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		0	23.700.621
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		1.248.037.314	455.975.200
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		112.450.185.366	109.580.146.050
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.139.574.204	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		213.168.087	
4. Phải thu dài hạn khác	216		1.926.406.117	
II. Tài sản cố định	220	V.9	70.960.463.015	70.834.924.608
1. Tài sản cố định hữu hình	221		29.685.547.601	29.604.039.694
- Nguyên giá	222		114.428.388.001	111.778.717.385
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-84.742.840.400	-82.174.677.691
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		41.274.915.414	41.230.884.914
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	41.274.915.414	41.230.884.914
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		36.324.428.813	36.324.428.813
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	3.600.000.000	3.600.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	34.094.424.002	34.094.424.002
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13	-1.369.995.189	-1.369.995.189
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.025.719.334	2.420.792.629
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2.025.489.759	1.670.563.054
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.000.229.575	750.229.575
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		244.298.703.462	249.145.080.965

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ				
I. Nợ ngắn hạn	310		51.199.494.915	51.335.565.839
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	10.777.768.058	15.276.348.617
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	22.468.136.573	21.980.097.717
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	3.754.098.766	3.641.708.332
4. Phải trả người lao động	314		3.857.597.952	5.965.106.053
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	3.627.887.970	1.957.606.449
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	5.754.297.827	1.409.809.043
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		0	
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	959.707.769	1.104.889.628
II. Nợ dài hạn	330		52.653.688.193	52.609.346.121
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.21	52.653.688.193	52.339.563.292
2. Doanh thu chưa thực hiện	338			269.782.829
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		140.445.520.354	145.200.169.005
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	140.445.520.354	145.200.169.005
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		0	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.000.000.000	20.000.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		-20.000	-20.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.315.446.218	2.746.758.303
5. Quỹ dự phòng tài chính	420		0	6.000.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.130.094.136	26.453.430.702
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.579.578.482	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.550.515.654	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		244.298.703.462	249.145.080.965

Hải Phòng, ngày 31 tháng 8 năm 2015

Lập biểu

P.TP TCKT

Tổng Giám đốc

Bùi Thị Thu Hà

Đậu Anh Dũng

Nguyễn Văn Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Q2/2015	Q2/2014	Năm nay	Năm trước
1.	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	61.575.173.884	65.934.291.078	116.980.349.549	114.552.765.923
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	VI.1	61.575.173.884	65.934.291.078	116.980.349.549	114.552.765.923
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	55.192.800.298	59.654.206.073	105.836.246.090	101.650.873.546
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.382.373.586	6.280.085.005	11.144.103.459	12.901.892.377
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	421.003.058	642.512.692	1.576.284.618	1.339.382.236
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	25.890.269	45.191.361	36.625.829	64.497.783
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	24				0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	1.375.123.249	1.324.782.203	2.847.219.372	2.179.264.555
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (24+25)]	30		5.402.363.126	5.552.624.133	9.836.542.876	11.997.512.275
11. Thu nhập khác	31	VI.6	499.162.672	604.862.124	749.743.025	821.549.396
12. Chi phí khác	32	VI.7	91.807.947	155.314.400	178.821.825	213.523.909
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		407.354.725	449.547.724	570.921.200	608.025.487
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.809.717.851	6.002.171.857	10.407.464.076	12.605.537.762
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.456.948.422	550.000.000	2.856.948.422	1.100.000.000
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lãi sau thuế nhà 163 NVT phải trả VNL						192.082.085
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 -51 -52)	60		3.352.769.429	5.452.171.857	7.550.515.654	11.313.455.677
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8			839	1.257

Hải phòng, ngày 31 tháng 8 năm 2015

Lập biểu

P.TP TCKT

Tổng Giám đốc

Bùi Thị Thu Hà

Đậu Anh Dũng



Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)
 cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay Luỹ kế từ đầu năm	Năm trước Luỹ kế từ đầu năm
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		122.209.270.010	123.826.377.857
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-93.080.606.876	-87.156.358.370
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-16.699.853.845	-15.781.138.029
4. Tiền lãi vay đã trả	04			-35.169.355
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-3.529.536.403	-4.437.688.983
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.383.987.771	8.739.886.059
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-26.749.435.416	-22.834.800.190
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		-2.466.174.759	2.321.108.989
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-3.343.380.375	-1.282.400.000
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		516.000.000	225.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-2.200.000.000	-2.050.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	37.550.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.676.929.389	883.794.232
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		1.649.549.014	-2.186.055.768
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			350.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-8.395.457.500	-924.245.500
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		-8.395.457.500	-574.245.500
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 40 + 30 + 20)</i>	50		-9.212.083.245	-439.192.279

Nguyễn Văn Dũng

Đầu Auh Dang

Bài тип 4

Làp bieu

Hai phỏng ngày 31 tháng 8 năm 2015

P.TP.TC.RT

Tiền và trung duong tiền đầu kinh	63.264.967.196	59.592.063.490	61	Aanh huoang của thay doi ty giao hoat doai quy doi ngeoi te
	63.264.967.196	59.592.063.490	60	Tiền và trung duong tiền đầu kinh
	63.264.967.196	59.592.063.490	61	Aanh huoang của thay doi ty giao hoat doai quy doi ngeoi te
	63.264.967.196	59.592.063.490	60	Tiền và trung duong tiền đầu kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngũ Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng báo cáo tài chính đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Linh vực kinh doanh: Sản xuất và dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho, bãi, văn phòng; kinh doanh nhà; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Đóng tàu, cầu kiện nội; Đại lý, môi giới, đấu giá; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng khác; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Cho thuê xe có động cơ; Sản xuất xe có động cơ; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất thân xe có động cơ, rơ mooc và bán rơ mooc; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bốc xếp hàng hoá.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

6. Khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/3/2015 không so sánh được với báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/3/2014 do có sự thay đổi về chế độ kế toán doanh nghiệp.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”) được dùng để ghi số kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Ban Tổng giám đốc cam kết tuân thủ mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết đối với công ty này.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào các công ty con được thể hiện theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận phát sinh từ các khoản đầu tư này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở thông báo phân phối lợi nhuận từ các công ty này.

Đầu tư dài hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư có thể chuyên nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kêt quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm Chi phí mua, chế biến và các chi phí khác nếu có để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn luỹ kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao luỹ kế được và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	03 – 07

4.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định và chi phí đầu tư xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử, ... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí đầu tư, xây dựng cơ bản công trình, tài sản

Chi phí đầu tư, xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, ... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thi công mặt bằng và các chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện giá gốc

4.10 Vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

- Thăng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

4.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu tài chính

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán và thuế, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

4.14 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Trong việc xem xét mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÀNG CÂN ĐÓI KÉ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	3.220.481.718	1.773.832.754
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.636.511.407	11.768.230.736
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	39.550.000.000	46.050.000.000
Cộng	50.406.993.125	59.592.063.490

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh	2.872.283.094	2.872.283.094
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-935.729.694	-935.729.694
Cộng	1.936.553.400	1.936.553.400

5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 1 năm	7.300.000.000	10.100.00.000
Cộng	7.300.000.000	10.100.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngũ Quyền, TP. Hải Phòng
THUỶ TÙ MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015**

Chi tiết chứng khoán kinh doanh

Cổ phiếu	Số lượng	Số cuối quý (VND)	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng	Số cuối năm (VND)	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty CP hàng hải Hà Nội (MHC)	3.027	86.815.067	-38.382.067	3.027		86.815.067	-38.382.067	
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn (SSI)	8.200	383.929.077	-158.429.077	8.200		383.929.077	-158.429.077	
Công ty CP tập đoàn Hoa Sen (HSG)	720	32.000.000	2.200.000	720		32.000.000	2.200.000	
Công ty CP vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ) *	298			298				
Công ty CP thuỷ sản Bến Tre (ABT)	840	46.250.000	-2.150.000	840		46.250.000	-2.150.000	
Công ty CP Nam Việt (ANV)	1.000	30.000.000	-20.200.000	1.000		30.000.000	-20.200.000	
Công ty CP cáp và vật liệu viễn thông (SAM)	1.400	10.430.000	7.770.000	1.400		10.430.000	7.770.000	
Công ty CP đại lý liên hiệp vận chuyển (GMD)	3.330	203.749.750	-107.512.750	3.330		203.749.750	-107.512.750	
Công ty CP cơ điện lạnh (REE)	21.426	783.530.500	-179.317.300	21.426		783.530.500	-179.317.300	
Công ty CP tập đoàn Hòa Phát (HPG)	1.980	58.290.000		1.980		58.290.000		
Công ty CP dầu từ và phát triển công nghệ FPT (FPT)	2.500	237.948.000	-87.948.000	2.500		237.948.000	-87.948.000	
Tổng công ty CP dịch vụ kỹ thuật dầu khí (PVS)	11.474	277.485.200	11.474	277.485.200				
Công ty CP vận tải biển Vinaship (VNA)	15.000	272.760.500	-218.760.500	15.000	272.760.500	-218.760.500		
Công ty CP vận tải biển Việt Nam (VOS)	10.000	195.000.000	-133.000.000	10.000	195.000.000	-133.000.000		
Công ty CP sửa Việt Nam (VNM)	6.750	254.096.000	6.750	254.096.000				
Cộng	2.872.284.094	-935.729.694		2.872.284.094		-935.729.694		

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

5.3 Phải thu khách hàng

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Cảng Phước Long	4.127.482.950	2.535.107.709
Công ty CP xi măng Công Thanh	2.222.705.000	
Công ty CP phân bón dầu khí Cà Mau	1.562.715.000	
Công ty TNHH vận tải và xây dựng HTN	591.588.583	619.093.024
Công ty TNHH khai thác container Việt Nam	1.016.270.670	748.468.900
Công ty TNHH Hanjin Việt Nam	651.280.298	381.456.153
Công ty TOYOTA Việt Nam	0	3.227.045.547
Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	844.689.000	962.090.800
Các khoản phải thu khách hàng khác	23.750.731.883	22.575.675.283
Cộng	34.767.463.384	31.048.937.416

5.4 Trả trước cho người bán

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Công ty CP Địa ốc 10	28.906.813.597	28.906.813.597
Các khoản khác	1.994.111.250	3.878.787.516
Cộng	30.900.924.847	32.785.601.113

5.5 Các khoản phải thu khác

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Phải thu về tiền lãi Ngân hàng	44.358.333	452.225.500
Các khoản phải thu khác	4.780.184.102	453.291.656
Cộng	4.824.542.435	905.517.835

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm nay
	VND
Số đầu năm	-2.645.227.728
Số trích trong năm	0

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngũ Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Hoàn nhập dự phòng	0
Số cuối năm	-2.645.227.728

5.7 Hàng tồn kho

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Nguyên vật liệu	2.669.101.628	4.041.353.810
Hàng hoá	297.528.699	590.408.705
Hàng gửi đi bán	0	
Cộng	2.966.630.327	4.631.762.515

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	142.600.992	440.306.038
Cộng	142.600.992	440.306.038

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngũ Quyền, TP. Hải Phòng
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCD khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	65.159.267.298	24.367.013.328	19.656.543.275	306.159.120	2.289.734.364	111.778.717.385
Mua trong năm	1.834.422.614				950.000.000	2.784.422.614
Thanh lý, nhượng bán	134.751.998					134.751.998
Số cuối kỳ	66.858.937.914	24.367.013.328	19.656.543.275	306.159.120	3.239.734.364	114.428.388.001
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	48.876.495.485	22.755.872.619	9.116.128.204	293.101.170	1.133.080.213	82.174.677.691
Khấu hao trong năm	1.195.918.588	237.694.206	1.085.477.022	8.705.304	165.907.016	2.693.702.136
Thanh lý, nhượng bán	125.539.427					125.539.427
Số dư cuối kỳ	49.946.874.646	22.993.566.825	10.201.605.226	301.806.474	1.298.987.229	84.742.840.400
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	16.282.771.813	1.611.140.709	10.540.415.071	13.057.950	1.156.654.151	29.604.039.694
Số cuối năm	16.912.063.268	1.373.446.503	9.454.938.049	4.352.646	1.940.747.135	29.685.547.601

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Dự án Bắc Rạch Chiếc - Phước Bình (*)	31.340.351.952	31.314.321.452
Dự án Bắc Rạch Chiếc - Phước Long A	9.812.018.007	9.812.018.007
Dự án bến container Đinh Vũ	122.545.455	104.545.455
Cộng	41.74.915.414	41.230.884.914

5.11 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Công ty CP dịch vụ hàng hải Hải Âu (*)	3.600.000.000	3.600.000.000
Cộng	3.600.000.000	3.600.000.000

(*) Công ty góp vốn vào Công ty CP dịch vụ hàng hải Hải Âu với tỷ lệ vốn góp là 27,73% vốn điều lệ.

5.12 Đầu tư dài hạn khác

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines	33.594.424.002	33.594.424.002
Công ty CP Vinalines Logistics	500.000.000	500.000.000
Cộng	34.094.424.002	34.094.424.002

5.13 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Năm nay VND
Số đầu năm	-1.369.995.189
Số trích trong năm	0
Hoàn nhập dự phòng	0
Cộng	-1.369.995.189

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

5.14 Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối quý
				trong năm
Chi phí sửa chữa				
bãi Chùa Vẽ	83.451.687			83.451.687
Chi phí sửa chữa				
văn phòng	212.796.507		94.728.150	118.068.357
Chi phí CCDC tại				
bãi Nam Hoà	1.313.032.564	724.000.000	422.786.017	1.614.246.547
Giá trị còn lại của				
Công cụ dụng cụ	61.282.296	160.472.732	12.031.860	209.723.168
Cộng	1.670.563.054	555.318.180	242.825.627	2.025.489.759

5.15 Phải trả người bán

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH khai thác container Việt Nam	4.994.695.667	7.379.871.567
Công ty TNHH Ngọc Khang	200.239.997	804.640.000
Gold Container Leasing PTE Ltd	1.101.808.133	1.272.174.652
Các khoản phải trả khách hàng khác	4.481.024.261	5.819.662.398
Cộng	10.777.768.058	15.276.348.617

5.16 Người mua trả tiền trước

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Công ty CP đầu tư và phát triển SACA	21.592.350.000	21.592.350.000
Các khoản khác	875.786.573	387.747.717
Cộng	22.468.136.573	21.980.097.717

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

5.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	306.324.031	3.385.871.189	2.821.090.842	871.101.378
Thuế GTGT hàng nhập khẩu				
Thuế xuất, nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.129.536.403	2.928.956.978	3.529.536.403	2.528.956.978
Thuế thu nhập cá nhân	97.779.625	749.315.365	626.558.889	220.536.101
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	20.000.000	2.495.635.924	2.463.821.524	51.814.400
Các loại thuế khác	88.068.273	580.964.042	587.345.406	81.686.909
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
Cộng	3.641.708.332	8.111.786.519	10.028.353.064	3.754.098.766

5.18 Chi phí phải trả

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Chi phí khai thác bãi	1.807.841.037	1.542.749.137
Phí kiểm toán BCTC 2014	0	90.909.091
Phải trả khác	1.820.046.933	323.948.221
Cộng	3.627.887.970	1.957.606.449

5.19 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	205.912.161	232.655.246
Tiền cỗ tức phải trả	2.327.333.670	273.333.670
Phải trả, phải nộp khác	3.221.051.996	903.820.127
Cộng	5.754.297.827	1.409.809.043

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

5.20 Quỹ hội đồng quản trị, phúc lợi

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Quỹ HĐQT	-157.063.376	602.701.916
Quỹ phúc lợi	1.116.771.145	502.187.712
Cộng	957.707.769	1.104.889.628

5.21 Phải trả dài hạn khác

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.671.069.900	1.647.469.900
Khoản góp vốn của CBCNV thực hiện dự án Bắc Rạch Chiếc - Phước Bình	43.877.775.000	43.777.775.000
Lãi tiền gửi dự án Bắc Rạch Chiếc - Phước Bình	7.104.843.293	6.914.318.392
Cộng	52.653.688.193	52.339.563.292

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngũ Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015**

5.22 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Công
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	20.000.000.000	0	13.424.128.509	5.984.147.634	39.825.635.987	139.233.912.130
Lãi trong năm trước				184.680.350	15.852.366	19.263.920.577	19.263.920.577
Trích lập các quỹ trong năm trước				-10.000.000.000		-3.186.789.095	-2.986.256.379
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	10.000.000.000						0
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	20.000.000.000						0
Mua lại cổ phiếu lê			-20.000			-20.000.000.000	-20.000
Nộp về quỹ hỗ trợ SXDN Vinalines				-862.050.556			-862.050.556
Chi cổ tức năm 2013 (15% VDL)						-9.000.000.000	-9.000.000.000
LNST nhà 163 NVT phải trả VNL						-449.336.767	-449.336.767
Số dư cuối năm trước	90.000.000.000	20.000.000.000	-20.000	2.746.758.303	6.000.000.000	26.453.430.702	145.200.169.005
Số dư đầu năm này	90.000.000.000	20.000.000.000	-20.000	8.746.758.303	6.000.000.000	26.453.430.702	145.200.169.005
Lãi trong năm này				3.568.687.915	0	7.550.515.654	7.550.515.654
Trích lập các quỹ trong năm này						-3.568.687.915	0
Trích quỹ HDT, quỹ PL						-1.505.166.705	-1.505.166.705
Chia cổ tức năm 2014 (12% VDL)	90.000.000.000	20.000.000.000	-20.000	12.315.446.218	0	-10.799.997.600	-10.799.997.600
Số dư cuối kỳ này						18.130.094.136	140.445.520.354

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngũ Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

b. Chi tiết đầu tư của Vốn chủ sở hữu

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.000.000.000	90.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	-20.000	-20.000
Cộng	109.999.980.000	109.999.980.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	10.799.997.600	9.000.000.000
Cộng	10.799.997.600	9.000.000.000

d. Cổ phiếu

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-2	-2
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-2	-2
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.999.998	8.999.998
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.999.998	8.999.998
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ		
Cộng	8.999.998	8.999.998

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO
 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hoá	28.593.513.447	40.119.023.488

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Doanh thu cung cấp dịch vụ	88.386.836.102	74.433.742.435
Cộng	116.980.349.549	114.552.765.923
2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hoá đã cung cấp	27.838.015.486	39.501.496.931
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	77.998.230.604	62.149.376.615
Cộng	105.836.246.090	101.650.873.546
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	785.582.955	1.031.264.158
Cổ tức, lợi nhuận được chia	727.315.800	261.022.400
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	63.385.863	47.095.678
Cộng	1.576.284.618	1.339.382.236
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	0	33.950.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	36.597.553	30.519.538
Chi phí khác	28.276	28.245
Cộng	36.625.829	64.497.783
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	415.301.620	320.493.265
Chi phí đồ dùng văn phòng	64.640.283	76.093.978
Chi phí dự phòng	40.000.00	139.185.115
Chi phí bằng tiền khác	1.247.511.591	903.886.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	957.833.270	504.271.433
Chi phí khác	121.932.608	235.333.959
Cộng	2.847.219.372	2.179.264.555

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản	601.586.361	500.909.091
Các khoản thuế được ngân sách hoàn lại		6.090.000
Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	7.368.000	11.088.000
Thu nhập kinh doanh năm trước ghi sót	6.550.675	
Thu nhập khác	134.237.989	303.462.305
Cộng	749.743.025	821.549.396

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	41.218.940	141.331.326
Chi phí khác	137.602.885	72.192.583
Cộng	178.821.825	213.523.909

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	7.550.515.654	11.505.537.762
Các khoản điều chỉnh tăng ,giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	0	-192.082.085
<i>Lợi nhuận liên doanh chia cho Tổng công ty Hàng hải Việt Nam</i>	0	-192.082.085
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu lưu hành bình quân	7.550.515.654	11.313.455.677
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.999.998	8.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	839	1.257

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngũ Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Các bên liên quan khác với Công ty là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty mẹ

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty và Tổng công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi cổ tức năm	5.508.000.000	3.060.000.000
Chi phí khấu hao toà nhà 163 Nguyễn Văn Trỗi, lãi hợp đồng hợp tác liên doanh	299.938.050	236.717.071

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, công nợ với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Cổ tức phải trả	2.327.333.670	273.333.670
Khấu hao toà nhà 163 Nguyễn Văn Trỗi, lãi hợp đồng hợp tác liên doanh	838.544.789	538.606.739
Công nợ phải trả	3.165.878.459	811.940.409

2. Nợ tiềm tàng

Trong năm 2007 và 2008, Công ty có ký ba hợp đồng kinh tế số 1306/HĐKT VMD-SACA ngày 12/11/2007, số 1356/HĐKT VMD-SACA ngày 14/11/2007 và số 130/HĐ VMD-SACA ngày 30/01/2008 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACA ("SACA"). Theo đó, Công ty bàn giao cho SACA 18.137 m² đất tại Khu quy hoạch Dự án Khu dân cư Bắc Rạch Chiếc tại phường Phước Long A và Phước Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, đổi lại SACA bàn giao cho Công ty 2.943,27 m² đất nền có cơ sở hạ tầng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong dự án.

Công ty đã bàn giao và SACA đã nhận 18.137 m² đất và SACA đã bàn giao cho Công ty 2.943,27 m² đất nền có cơ sở hạ tầng. Tổng giá trị bồi thường của SACA cho ba hợp đồng trên là 32.280.510.000 đồng (bao gồm thuế GTGT) tương ứng với 2.511,05 m² đất nền có cơ sở hạ tầng, còn 432,22 m² đất nền có hạ tầng thuộc quyền sở hữu của Công ty nhưng Công ty chưa thực hiện ký hợp đồng bồi thường với SACA. Năm 2007, Công ty đã ghi nhận doanh thu 10.688.160.000 đồng (bao gồm thuế GTGT). Phần còn lại của số tiền nhận bồi thường được báo cáo trên khoản mục người mua trả tiền trước trên Bảng cân đối kế toán. Tuy nhiên, trong diện tích đất đã bàn giao cho

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HÃNG

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

SACA có 3.500 m² đất chưa có cơ sở hạ tầng bị Công ty Vĩnh Lộc lấn chiếm, Công ty đang thực hiện các thủ tục để thu hồi phần đất này về để kết thúc thỏa thuận hợp tác với SACA. Công ty tin tưởng rằng lợi nhuận chưa ghi nhận của phần đất nền có hạ tầng đã nhận được từ SACA đủ để bù đắp các tổn thất có thể phát sinh do việc thu hồi phần đất đã bàn giao nhưng bị lấn chiếm cho SACA theo thỏa thuận hợp tác giữa hai bên.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 8 năm 2015

Người lập biếu

75

Bùi Thị Thu Hà

Phó trưởng phòng TCKT

11

Đâu Anh Dũng



Nguyễn Văn Dũng